

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN Y  
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2022/LĐ-ST  
Ngày 30/9/2022  
V/v: “Tranh chấp tiền lương”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y, TỈNH BẮC GIANG**

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán -Chủ tọa phiên tòa:* Ông Thân Văn Hiếu

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Đào Xuân Thịnh
2. Ông Lương Ngọc Biên

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Lương Thị Nhân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y tham gia phiên tòa:*** Ông Vũ Hồng Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Y, xét xử sơ thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số 11/2022/TLST-LĐ ngày 10 tháng 8 năm 2022 về việc “Tranh chấp tiền lương”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2022/QĐXXST-LĐ ngày 30 tháng 8 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 02/2022/QĐST-LĐ ngày 15/9/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Vũ Thị M, sinh năm 1985 (có mặt);

Địa chỉ: Thôn T, xã Q, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

- Bị đơn: Công ty TNHH sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng T

Địa chỉ: Thôn Q, xã L, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đặng Thái H- Giám đốc (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời khai tại Tòa án nguyên đơn chị Vũ Thị M trình bày:* Tháng 02/2020 anh vào làm công nhân tại Công ty trách nhiệm hữu hạn sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng T (viết tắt là công ty TNHH T). Hai bên không lập hợp đồng lao động bằng văn bản mà chỉ hợp đồng bằng miệng với nhau. Thời gian làm việc 08 giờ/01 ngày, lương hai bên thỏa thuận là trả hàng tháng và hưởng lương theo sản phẩm, hình thức trả lương bằng tiền mặt. Công việc của tôi là làm ở bộ phận xếp goong.

Kể từ khi tôi vào làm việc tại công ty đến hết tháng 7/2020 Công ty TNHH T đã thanh toán đầy đủ tiền lương hàng tháng cho tôi. Tuy nhiên kể từ ngày 01/8/2020 đến ngày 30/11/2020 phía Công ty TNHH T đã không thực hiện việc thanh toán tiền lương hàng tháng cho tất cả công nhân của công ty trong đó có tôi. Cụ thể đến thời điểm hiện tại phía Công ty TNHH T còn nợ tôi số tiền lương của 04 tháng với tổng số tiền là 29.888.000 đồng. Cụ thể như sau:

- Tháng 8/2020 nợ tiền lương là 7.345.691 đồng;
- Tháng 9/2020 nợ tiền lương là 7.327.720 đồng;
- Tháng 10/2020 nợ tiền tiền lương là 6.924.999 đồng;
- Tháng 11/2020 nợ tiền lương là 8.290.214 đồng.

Nay tôi yêu cầu Công ty TNHH T phải trả cho tôi tổng số tiền lương còn nợ là 29.888.000 đồng. Tôi không yêu cầu Công ty TNHH T phải trả tiền lãi suất đối với số tiền chậm thanh toán cho tôi.

Ngoài ra chị Minh không có yêu cầu đề nghị nào khác.

*\* Bị đơn là Công ty Trách nhiệm hữu hạn Sản xuất kinh doanh Vật liệu xây dựng T do ông Đặng Thái H- Giám đốc đại diện không đến Tòa án mặc dù đã được Tòa án triệu tập.*

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y tham gia phiên tòa nhận xét:

Về việc chấp hành pháp luật: Thẩm phán còn một số vi phạm về việc chuyển hồ sơ và giao Quyết định đưa vụ án ra xét xử muộn, cần rút kinh nghiệm. Ngoài ra Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn thực hiện đúng nghĩa vụ theo quy định, bị đơn không thực hiện đúng nghĩa vụ theo quy định.

Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 15, Điều 16, Điều 17, Điều 23, Điều 47 và Điều 90 Bộ luật lao động năm 2012; điểm a khoản 1 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 150, Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vũ Thị M. Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn Sản xuất kinh doanh Vật liệu xây dựng T có trách nhiệm trả cho chị Vũ Thị M số tiền lương còn nợ là 29.888.000 đồng.

Buộc bị đơn phải chịu toàn bộ án phí.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về sự vắng mặt của nguyên đơn và bị đơn: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho nguyên đơn và bị đơn. Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn vắng mặt lần thứ 02 không có lý do chính đáng. Hội đồng xét xử căn cứ vào Khoản 1 Điều 227, Khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[1.2] Về thẩm quyền: Công ty TNHH T có Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên. Đăng ký lần đầu ngày 28 tháng 8 năm 2009; Đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 22 tháng 7 năm 2015 có trụ sở chính tại Thôn Q, xã L, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Bộ luật tố tụng dân sự. Anh Trần Văn Định khởi kiện Công ty TNHH T tại Tòa án nhân dân huyện Y là đúng quy định của pháp luật.

[1.3] Xác định quan hệ tranh chấp: Chị Vũ Thị M yêu cầu Công ty TNHH T thanh toán tiền lương. Do vậy xác định đây là quan hệ tranh chấp tiền lương theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 32 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.4] Áp dụng pháp luật: Thời điểm các bên xác lập quan hệ lao động Bộ luật lao động năm 2012 có hiệu lực pháp luật nên cần áp dụng Bộ luật lao động năm 2012 để giải quyết vụ án.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của chị Vũ Thị M: Căn cứ vào tài liệu và lời khai mà nguyên đơn cung cấp. Có căn cứ để xác định chị Minh vào làm việc tại Công ty TNHH T từ tháng 2 năm 2020 nhưng giữa hai bên không ký hợp đồng lao động bằng văn bản mà chỉ thỏa thuận miệng là vi phạm quy định tại Điều 15, Điều 16, Điều 17, Điều 23 Bộ luật lao động 2012. Nhưng việc chấp dứt hợp đồng lao động giữa chị Vũ Thị M và Công ty TNHH T không có tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Tại các bảng kê chi tiết tiền lương các tháng 8 tháng 9, tháng 10 và tháng 11 năm 2020 đã được Công ty TNHH T ban hành có nội dung công ty còn nợ chị Minh 4 tháng. Cụ thể: Tháng 8/2020 nợ tiền lương số tiền là 7.345.691 đồng; Tháng 9/2020 nợ tiền lương số tiền là 7.327.720 đồng; Tháng 10/2020 nợ tiền tiền lương số tiền là 6.924.999 đồng; Tháng 11/2020 nợ tiền lương số tiền là 8.290.214 đồng. Phía Công ty TNHH T xác nhận còn nợ chị Vũ Thị M 04 tháng tiền lương nêu trên là 29.888.000 đồng. Theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là tình tiết, sự kiện không cần phải chứng minh.

Bị đơn không đến Tòa án làm việc là tự từ bỏ quyền lợi của mình.

Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử thấy rằng yêu cầu khởi kiện của chị Vũ Thị M là có cơ sở chấp nhận.

[3] Về án phí lao động: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí lao động sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

## **QUYẾT ĐỊNH**

Áp dụng: Điều 15, Điều 16, Điều 17, Điều 23, Điều 47 và Điều 90 Bộ luật lao động năm 2012; điểm a khoản 1 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 150, Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, Xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vũ Thị M. Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn Sản xuất kinh doanh Vật liệu xây dựng T có trách nhiệm trả cho chị Vũ Thị M số tiền lương còn nợ là 29.888.000 đồng ( *Hai mươi chín triệu tám trăm tám mươi tám nghìn đồng chẵn*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không trả thì hàng tháng người phải thi hành án phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hạn thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

- Về án phí: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Sản xuất kinh doanh Vật liệu xây dựng T phải chịu 896.640 đồng án phí lao động sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hợp lệ./.

### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Y;
- Chi cục THADS huyện Y;
- UBND xã Hương Gián;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Thân Văn Hiếu**

